

PHIẾU BÀI TẬP CHUYÊN ĐỀ 3: TỪ LOẠI TIẾNG VIỆT
BÀI 1: DANH TỪ
GIÁO VIÊN: NGUYỄN THỊ HẢI YẾN

Bài 1: Tìm các từ chỉ sự vật trong đoạn thơ sau và xếp chúng vào nhóm thích hợp:

*Mang theo truyện cổ tôi đi
Nghe trong cuộc sống thâm thì tiếng xưa
Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa
Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi
Đời cha ông với đời tôi
Như con sông với chân trời đã xa
Chỉ còn truyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình.*

- Từ chỉ người:
- Từ chỉ vật:
- Từ chỉ hiện tượng:
- Từ chỉ khái niệm:
- Từ chỉ đơn vị:

Bài 2: Cho các danh từ sau: *nhân dân, giáo viên, xe máy, bàn ghế, sấm, chớp, tính nết, thói quen, cái, chiếc, thước kẻ, bút bi, cuộc sống, sự nghiệp, bác sĩ, thợ mỏ, ngôi, tấm, tờ, quyển, ông nội, bà nội, giường, tủ, sóng thần, gió bắc, mưa phùn, mưa rào, xã, huyện, ngày, tháng, văn học, giai cấp, phong tục.*

Xếp các từ trên vào các nhóm sau:

- a) Danh từ chỉ người:
- b) Danh từ chỉ vật (đồ vật):
- c) Danh từ chỉ hiện tượng:
- d) Danh từ chỉ khái niệm:
- e) Danh từ chỉ đơn vị:

Bài 3: Gạch dưới các danh từ trong đoạn thơ sau:

Con/ cò/ trong/ câu/ ca dao/
 Bay/ vào/ giấc ngủ/ trắng/ phau/ giọng/ bà/
 Bà/ đưa/ cháu/ đến/ đồng/ xa/
 Con/ cò/ theo/ mẹ/ la đà/ dòng/ mương/
 Bà/ đưa/ cháu/ đến/ Trường Sơn/
 Con/ cò/ theo/ bố/ rập rờn/ nguy trang/...
 (Hoàng Hiếu Nhân)

Hãy đặt câu với các danh từ: *ca dao, giấc ngủ.*

.....

Bài 4: Gạch chân các danh từ có trong đoạn thơ sau và xếp vào nhóm thích hợp:

Quê hương là cầu tre nhỏ

Quê hương mỗi người chỉ một

Mẹ về nón lá nghiêng che

Như là chỉ một mẹ thôi

Quê hương là đêm trăng tỏ

Quê hương nếu ai không nhớ

Hoa cau rụng trắng ngoài hè

Sẽ không lớn nổi thành người

- Danh từ chỉ người:
- Danh từ chỉ vật:
- Danh từ chỉ khái niệm:

Bài 5: Tìm các danh từ trong đoạn trích sau và xếp chúng thành 2 nhóm:

*Ác-boa/ là/ một/ thị trấn/ nhỏ, không có/ những / lâu đài/ đồ sộ/ nguy nga/,
 chỉ/ thấy/ những/ ngôi/ nhà/ nhỏ bé/, cổ kính/ và/ những/ vườn/ nho/ con con/.
 Dòng/ sông/ Quy-dặng-xơ/ hiền hòa/ lượn/ quanh/ thành phố/ với/ những/ chiếc/
 cầu/ trắng phau/.*

*Ông bố/ dắt/ con/ đến/ gặp/ thầy giáo/ để/ xin/ học/. Thầy/ Rơ-nê/ đã/ già/,
 tóc/ ngả/ màu/ xám/, da/ nhăn nheo/, nhưng/ đi lại/ vẫn/ nhanh nhẹn/... Thầy/ cứ/
 lắc đầu/ chê/ Lu-i/ còn/ bé/ quá/.*

Danh từ chung	Danh từ riêng
.....
.....
.....
.....
.....